TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00537

R 16/8/11

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Marketing thương mại (208460) - Số Tín Chỉ: 4 **Ngày Thi :** 13/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09150004	BÙI THỊ	ÁI	DH09TM			9.6	9	6
2	08150002	NGUYỄN THÙY	AN	DH08TM			9.0	9	0
3	08150006	PHAN QUỐC	BẢO	DH08TM			8.3	8	3
4	09150006	THÁI BÁ	BÌNH	DH09TM			9.7	9	7
5	08150010	LƯƠNG THỊ NGỌC	CHÂU	DH08TM			8.6	8	6
6	08150011	ĐẶNG THỊ KIM	CHI	DH08TM			7.9	7	9
7	09150007	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHI	DH09TM			9.0	9	0
8	09150008	PHAN HOÀNG THANH T	CHI	DH09TM			7.9	7	9
9	09150009	PHAN THỊ	DIỄM	DH09TM			8.6	8	6
10	08150014	PHAN CẨM	DIỀN	DH08TM			9.7	9	7
11	09150013	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	DH09TM			9.7	9	7
12	08150018	NGUYỄN THÙY	DUNG	DH08TM			9.7	9	7
13	09150015	PHẠM HUỲNH THANH	DUY	DH09TM			8.3	8	3
14	09150016	BÙI THỊ KIM	DUYÊN	DH09TM			8.3	8	3
15	09150019	DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	DH09TM			9.3	9	3
16	08150032	ĐẶNG THỊ NGỌC	HÀ	DH08TM			9.0	9	0
17	09150031	MẠNH THỊ THU	HẰNG	DH09TM			9.7	9	7
18	08150038	NGUYỄN THỊ MINH	HẰN	DH08TM			9.7	9	7

Số bài: 33 ; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Hoàng Thị Dung

Bùi Thị Hậu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00537

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Marketing thương mại (208460) - Số Tín Chỉ: 4 **Ngày Thi :** 13/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08150039	KIỀU THỊ KIM	HIỀN	DH08TM			9.3	9	3
20	07150039	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH08TM			9.0	9	0
21	08150041	PHẠM THỊ MINH	HIẾU	DH08TM			8.3	8	3
22	08150044	NGUYỄN TRƯỜNG KIM	HOA	DH08TM			9.0	9	0
23	08150048	ĐỖ XUÂN	HÒA	DH08TM			9.3	9	3
24	09150036	VÕ THỊ MỸ	HÒA	DH09TM			9.3	9	3
25	08150045	TRẦN CÔNG	HOAN	DH08TM			9.3	9	3
26	08150046	DƯƠNG ĐÌNH	HOÀNG	DH08TM			9.0	9	0
27	09150037	HÀ THỊ HỒNG	HUẾ	DH09TM			8.6	8	6
28	09150038	NGUYỄN THỊ BÍCH	HUỆ	DH09TM			9.3	9	3
29	08150055	VŨ NGỌC	HÙNG	DH08TM			9.7	9	7
30	08150056	VƯƠNG KIM	HÙNG	DH08TM			9.3	9	3
31	08150053	PHAN THỊ LỆ	HUYỀN	DH08TM			9.7	9	7
~~32~~	~~08150057~~	~~DƯƠNG THỊ THIÊN~~	~~HƯƠNG~~	~~DH08TM~~					
33	08150059	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	DH08TM			9.0	9	0
34	09150041	TRẦN DUY	KHA	DH09TM			7.6	7	6

Số bài: 33 ; Số tờ: 33

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN M9205

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

R 16/8/11

Môn Học Marketing thương mại (208460) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1
Ngày Thi 13/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
1	07150112	NGUYỄN VĂN	QUÝ	10/05/89	DH08TM	1		8.6	tám sáu	
2	08150120	NGUYỄN THỊ THÚY	QUYÊN	20/03/89	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
3	08150124	CHẾ A	SỦI	07/02/89	DH08TM	1		9.0	chín	
4	08150127	TỐNG THỊ MINH	TÂM	16/02/90	DH08TM	1		9.3	chín ba	
5	08150130	VÕ THỊ TRÚC	THANH	30/04/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
6	08150131	ĐỒNG ĐỨC	THÀNH	23/11/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
7	08150137	ĐỖ MINH	THIỆT	01/04/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
8	08150139	LÊ QUỐC	THỊNH	17/09/90	DH08TM	1		9.3	chín ba	
9	08150142	DƯƠNG THỊ	THƠ	30/05/90	DH08TM	1		9.3	chín ba	
10	08150147	TRẦN THỊ THU	THỦY	02/07/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
11	08150149	NGÔ THỊ MỘNG	THÚY	24/03/90	DH08TM	1		10.0	mười	
12	08150153	ĐỖ THỊ MỸ	TRANG	20/07/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
13	09150099	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	06/02/91	DH09TM	1		9.7	chín bảy	
14	07150175	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	22/11/89	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
15	09150101	PHAN THỊ THÙY	TRANG	12/12/91	DH09TM	1		9.0	chín	
16	09150102	TÔ THU	TRANG	09/01/91	DH09TM	1		9.3	chín ba	
17	09150103	TRẦN THANH	TRANG	30/10/91	DH09TM	1		9.0	chín	
18	08150163	TRẦN ĐẶNG PHƯƠNG	TRÂN	21/01/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
19	08150170	PHÙNG THANH	TRƯỜNG	16/07/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
20	07150192	VÕ THÀNH	TUÂN	17/05/85	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
21	09150107	ĐẶNG MINH	TUẤN	21/01/89	DH09TM	1		9.7	chín bảy	
22	09150110	PHAN KIM	TUYỀN	11/08/91	DH09TM	1		9.0	chín	
23	08150177	NGUYỄN NGỌC HẠNH	UYÊN	22/04/90	DH08TM	1		9.7	chín bảy	
24	09159003	VƯƠNG THỊ	VĂN	01/03/91	DH09TM	1		9.0	chín	
25	09150114	BÙI THỊ TƯỜNG	VY	15/08/91	DH09TM	1		9.0	chín	
26	09150115	NGUYỄN THỊ NGỌC	XUYẾN	24/12/89	DH09TM	1		9.7	chín bảy	
27	09150116	NGUYỄN THANH	Ý	30/07/91	DH09TM	1		9.7	chín bảy	

Số S/V Trong Danh Sách: 27 . Số S/V Dự Thi : 27

TP.HCM, Ngày 13 tháng 07 năm 2011

Cán Bộ Coi Thi 1 Hà Thị Thu Thủy Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Đức Dần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN M9205

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

R16/8/11

Môn Học Marketing thương mại (208460) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1
Ngày Thi 13/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi Chú
1	09150043	LÊ THỊ NGỌC	KHÁNH	21/08/91	DH09TM			9.0	chín không	
2	09150045	TRẦN THỊ	KHUYÊN	01/09/91	DH09TM			8.6	tám sáu	
3	08150063	ĐINH THỊ	LAN	21/06/90	DH08TM			9.3	chín ba	
4	08150064	HUỲNH MAI	LAN	07/05/90	DH08TM			8.6	tám sáu	
5	08150068	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	10/01/90	DH08TM			9.0	chín không	
6	09150054	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	20/09/91	DH09TM			9.3	chín ba	
7	08150074	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	03/02/90	DH08TM			10.0	mười điểm	
8	09150058	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH	LUÂN	24/08/87	DH09TM			9.3	chín ba	
9	09150060	BÙI THẢO	LY	26/09/91	DH09TM			9.3	chín ba	
10	08150077	PHẠM TUYẾT	MAI	02/09/90	DH08TM			9.0	chín không	
11	09150061	NGUYỄN ĐẶNG	MẪN	12/09/89	DH09TM			9.7	chín bảy	
12	08150079	PHAN THỊ HỒNG	MẬN	13/06/90	DH08TM			9.0	chín không	
13	09150062	HUỲNH KIM	MỸ	08/07/91	DH09TM			7.9	bảy chín	
14	08150086	NGÔ NGỌC	NAM	19/03/89	DH08TM			9.0	chín không	
15	08150087	TRƯƠNG HOÀNG	NAM	16/02/90	DH08TM			9.0	chín không	
16	09150065	LÊ THỊ DIỆU	NGA	05/02/91	DH09TM			8.3	tám ba	
17	09150069	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	21/09/90	DH09TM			9.7	chín bảy	
18	08150101	LỤC THỦY THANH	NHƯ	10/07/90	DH08TM			8.3	tám ba	
19	08150107	NGUYỄN HOÀNG	PHƠ	19/02/90	DH08TM			10.0	mười điểm	
20	08150108	ĐÀO THỊ BÍCH	PHƯƠNG	23/11/90	DH08TM			9.7	chín bảy	
21	08150109	LÊ ANH	PHƯƠNG	02/04/89	DH08TM			9.3	chín ba	
22	08150112	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	27/08/90	DH08TM			9.0	chín không	
23	09150074	VÕ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	02/11/91	DH09TM			9.3	chín ba	
24	09150075	VÕ THỊ YẾN	PHƯỢNG	01/08/91	DH09TM			9.7	chín bảy	
25	08150115	TRẦN MINH	QUANG	10/07/89	DH08TM			8.6	tám sáu	
26	08150116	NGUYỄN CÔNG	QUẢNG	24/04/90	DH08TM			9.7	chín bảy	
27	08150118	PHẠM NGỌC MINH	QUÂN	26/08/90	DH08TM			9.0	chín không	

Số S/V Trong Danh Sách: 27 . Số S/V Dự Thi : 27

TP.HCM, Ngày tháng năm 201__

Cán Bộ Coi Thi 1 D.N.Lam Duyên Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Đức Dần